TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **113**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2018.
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao

Ông Tô Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Võ Duy K**, sinh năm 1975.

2. Bị đơn: Chị **Phan Ngọc Th**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Khu C, ấp P, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh K, chị Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và các bản khai có tại hồ sơ nguyên đơn anh Võ Duy K trình bày:

Anh và chị Phan Ngọc Th tự nguyện chung sống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 05 ngày 17/7/2002).

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên anh chị thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không thành. Anh và chị Th đã sống ly thân nhau cách nay 03 năm. Nay anh cương quyết xin ly hôn với chị Th vì vợ chồng không còn tình cảm.

- Con chung: Có 02 cháu là Võ Đại Phú C - sinh ngày 03/8/2002 và Võ Ngọc Thanh X - sinh ngày 10/03/2010. Hiện 02 cháu đang sống cùng anh, nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề xây dựng và có nhà riêng, thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn chị Phan Ngọc Th đã được niêm yết hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Anh Võ Duy K và chị Phan Ngọc Th tự nguyện chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh K khai là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Anh chị sống ly thân nhau đã được 03 năm, nay anh K xin ly hôn chị Th, xin nuôi con chung là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các điều 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Võ Duy K có yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Phan Ngọc Th đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Anh Võ Duy K xin ly hôn với chị Phan Ngọc Th, hiện nay chị Th cư trú tại khu C, ấp P, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là " Ly hôn, nuôi con". Căn cứ Điều 68 của Bộ

luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là anh Võ Duy K, bị đơn là chị Phan Ngọc Th.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Võ Duy K và chị Phan Ngọc Th tự nguyện chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 05 ngày 17/7/2002 nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Tại hồ sơ anh K cương quyết xin ly hôn với chị Th và khai nại không còn tình cảm vợ chồng, thời gian ly thân đã lâu.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh K thì thấy: nguyên nhân mâu thuẫn theo anh K khai là do tính tình không hợp nên anh và chị Th thường xuyên gây gổ, cãi nhau, anh chị sống ly thân nhau đã 03 năm nay. Đối với chị Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện chị không có mong muốn hòa giải đoàn tụ với anh K. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh K và chị Th đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho anh K được ly hôn với chị Th là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

- Con chung: Anh K và chị Th có 02 con chung là cháu Võ Đại Phú C, sinh ngày 03/8/2002 và cháu Võ Ngọc Thanh X, sinh ngày 10/03/2010. Anh K xin nuôi con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Do từ khi anh K và chị Th sống ly thân cho đến nay cháu C và cháu X sống cùng cha, vì vậy để đảm bảo cho các cháu được phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần, cần tiếp tục giao con chung cho anh K nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

- Tài sản chung: anh K khai không có nên không giải quyết.

- Nợ chung: anh K khai không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh K phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định cảu Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35,39, 147, 217, 218, 220, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm

2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Duy K về việc "Ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn chị Phan Ngọc Th.

1. Xử: Cho anh Võ Duy K được ly hôn chị Phan Ngọc Th.

2. Về con chung: Xử giao cháu Võ Đại Phú C, sinh ngày 03/8/2002 và cháu Võ Ngọc Thanh X, sinh ngày 10/03/2010 cho anh K nuôi dưỡng. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Võ Duy K phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003947 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Anh K đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai